

Bản án số: 134/2018/DS-PT
Ngày 29 - 11 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 91/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp 11, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Dương Thị E, sinh năm 1960, cư trú tại: Ấp 11, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 7 năm 2017, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp 11, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Thị E, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp 11, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị E: Bà Nguyễn Thị H và bà Lương Thị Hồng M, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (Luật sư H có mặt, Luật sư M vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Thị Lắm, sinh năm 1962; cư trú tại: Ấp 11, xã Phong Thạnh Đông, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã G – Phòng giao dịch L.

Địa chỉ: Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Thanh M, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã G.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Thanh M: Ông Dương Quang K – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã G – Phòng giao dịch L (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 38/NHNoGR-UQ ngày 02 tháng 11 năm 2018, có đơn yêu cầu vắng mặt).

4. Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Khóm 1, Phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Minh T: Ông Đỗ Thanh T – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có đơn yêu cầu vắng mặt).

5. Ủy ban nhân dân xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Ấp 13, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Minh Đ, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành C – Chức vụ: Công chức địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Môi trường (có đơn yêu cầu vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Văn L và bà Dương Thị E là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày:

Vào năm 2003, ông Nguyễn Văn M đào con mương trên phần đất của ông, khi đó chính quyền địa phương có đến, nhưng không lập biên bản. Từ đó đến nay ông yêu cầu nhưng chưa được giải quyết. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn –

Chi nhánh thị xã G. Trên đất tranh chấp còn có một phần chuồng trâu do ông M xây dựng và 03 cây gừa theo biên bản đo đạc ngày 18 tháng 3 năm 2016 và biên bản làm việc ngày 24 tháng 4 năm 2018, nhưng tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà E xác định trên đất tranh chấp không có một phần chuồng trâu của nhà ông M, chỉ có mấy cây gừa, 01 chân cầu và đoạn đường bê tông nhưng cũng không yêu cầu giải quyết gì về các tài sản này. Nay ông bà yêu cầu ông M phải trả phần đất lấn chiếm qua đo đạc thực tế có diện tích 79,90m², đất nằm trong thửa 112 và thửa 115 tờ bản đồ 02 do ông L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

Bị đơn ông Nguyễn Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L trình bày: Ông không đồng ý theo yêu cầu của ông L vì ông không lấn đất của ông L. Ông chỉ sử dụng phần đất của ông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông được cấp tại tờ bản đồ số 02 thửa 119 do ông đứng tên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay ông đang thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh thị xã G. Ranh đất giữa ông và ông L có chặm trụ đá làm ranh đất từ lâu, khi chặm ranh đất có mặt gia đình ông L và gia đình ông L không ý kiến.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã G – ông Đỗ Thanh T trình bày: Do phần đất tranh chấp có diện tích nhỏ nên cơ quan chuyên môn không xác định được đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ai. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên mà Tòa án thu thập được thì hiện tại chưa phát hiện có vi phạm gì, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đúng trình tự thủ tục quy định. Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với sự việc tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh thị xã G, bà Phạm Thị B trình bày: Bà Dương Thị E là vợ của ông Nguyễn Văn L đứng tên vay số tiền gốc là 20.000.000 đồng, bà E thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông L đứng tên. Hợp đồng vay giữa Ngân hàng và bà E đang thực hiện tốt. Đối với ông Nguyễn Văn M thì Ngân hàng có ký hợp đồng vay vốn và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M, hiện tại hợp đồng giữa các bên vẫn đang trong thời gian thực hiện. Diện tích đất tranh chấp là nhỏ so với tổng diện tích đất các bên đã thế chấp, trong khi các bên vẫn thực hiện tốt hợp đồng vay, do đó bà không có ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến việc tranh chấp giữa các bên.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã P – ông Đỗ Thành C trình bày: Tại ngày tổ chức Dân vận khéo ấp 11 xã P, Ban thường trực đã thống nhất hỗ trợ gia đình ông Nguyễn Văn M xây dựng cây cầu nhưng trong quá trình xây dựng thì gia đình ông M không thông báo Ủy ban nhân dân xã ngay thi công và địa điểm thi công xây dựng cây cầu. Vì lý do đó Ủy ban nhân dân xã P không biết ông M xây dựng cây cầu trên phần đất tranh chấp. Hiện tại cây cầu đã hoàn thành nhưng do ông M không báo cáo, không có thiết kế thi công nên Ủy ban nhân dân xã P

không hỗ trợ kinh phí xây dựng cầu cho ông M. Ủy ban nhân dân xã P yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với ông Nguyễn Văn M về việc tranh chấp quyền sử dụng đất có diện tích 79,90m² (có tuyên tứ cạnh kèm theo).

Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Nguyễn Văn M trả lại cho ông phần đất tranh chấp có cạnh mũi nhọn là 0,4m, chiều ngang trước 2,5m, cạnh giáp đất ông M chiều dài từ mé sông ra phía sau dài 06 công (01 công bằng 12 tầm, 01 tầm bằng 03 mét); phần đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà Dương Thị E yêu cầu Tòa án đo đạc diện tích đất của hai bên, nhưng ông M không hợp tác, nên Hội đồng đo đạc không đo phần đất của ông M được. Tại phiên tòa hôm nay, đất bà E sử dụng qua đo đạc thực tế so với đất bà E nhận chuyển nhượng 18 công tầm cây thì thiếu 58m². Bị đơn ông M thừa nhận mua 14 công tầm cây, khi mua không có đo đạc thực tế, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M là cấp đại trà; bà E xác định nếu đo đất của ông M thiếu thì bà E không yêu cầu ông M trả đất, khi đó chỉ đo phần đất của bà E mà không có đo phần đất của ông M là chưa bảo vệ quyền lợi cho bà E. Đề nghị Hội đồng xét xử, tạm ngừng phiên tòa để đo đạc phần đất của ông M cũng như đo đạc phần đất còn lại của bà E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phong nghị án, Thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử, xét thấy: Phía nguyên đơn xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế diện tích 79,90m² là của vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị U (vợ ông Hai B, hiện đã chết), đất tranh chấp tại thửa 122, 115, tờ bản đồ 02 nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông L đứng tên được cấp vào năm 1995. Năm 2003, khi ông M làm đường mương nước thì lấn chiếm phần đất trên của ông, bà. Ông L đã yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết từ năm 2003 đến nay nhưng vẫn chưa được giải quyết. Ông Nguyễn Văn M xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp là do ông nhận chuyển nhượng lại từ người em vợ tên Huỳnh Văn L vào tháng 11 năm 1985, đất tranh chấp tại thửa 119, tờ bản đồ 02 do ông M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào năm 1995. Vào đầu tháng 7 năm 2017 ông M xây dựng cầu trên đất tranh chấp cho người dân đi, theo sự hỗ trợ của Ủy ban nhân dân xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Bà Em xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà, khi ông M đào mương phát sinh tranh chấp từ năm 2003 và ông L đã yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Tuy nhiên, theo hồ sơ tranh chấp do Ủy ban nhân dân xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu thể hiện ông L có đơn yêu cầu hòa giải vào ngày 03/7/2013 (bút lục số 09) và được chính quyền địa phương áp 11 hòa giải lần đầu vào ngày 03/8/2013 (bút lục số 10). Tại phiên tòa sơ thẩm, bà E xác định từ khi nhận chuyển nhượng đến nay gia đình bà không đo đạc lại diện tích đất, trong quá trình sử dụng đất có thay đổi so với hiện trạng ban đầu, cụ thể khi nhận chuyển nhượng là đất ruộng, sau đó gia đình bà cuốc đất làm vuông nuôi tôm một thời gian, khi nuôi tôm không hiệu quả thì lại ban ra làm ruộng như hiện nay. Ông M xác định hiện trạng đất ông sử dụng là không thay đổi, cụ thể là ông vẫn trồng lúa và giữ nguyên ranh đất giữa các bên từ khi nhận chuyển đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay. Ông M và bà E thống nhất xác định ranh đất giữa các bên là trụ đá được ông M cắm từ trước khi xảy ra tranh chấp.

[5] Tại Công văn số 40/CV-TNMT ngày 11/5/2016 (bút lục số 156) Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xác định: Do phần đất tranh chấp có kích thước nhỏ, tỷ lệ cấp giấy chứng nhận là 1/5000 nên Phòng Tài nguyên và Môi trường không xác định chính xác phần đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M hay của ông L và không liên quan giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người thứ ba.

[6] Bà E xác định phần đất tranh chấp là của vợ chồng bà nhưng bà không có chứng cứ chứng minh ông M lấn đất lúc nào, hình thức lấn chiếm như thế nào, diện tích lấn chiếm cụ thể bao nhiêu. Khi đó gia đình ông M đã sử dụng đất theo ranh giới được xác định giữa các bên, việc ông M cắm trụ đá, trồng cây, làm chuồng trâu thì phía gia đình ông L, bà E cũng biết không ngăn cản. Ngoài ra, Cơ quan chuyên môn không xác định được đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông L. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà E thừa nhận đất bà đang sử dụng là mua của bà B 12 công và của ông Nghiêm 06 công (tổng cộng 18 công tầm cây tương đương 23.328m²; theo biên bản đo đạc ngày 22/11/2018 diện tích đất bà E đang sử dụng là 23.270,4m², đất phía bên kia kênh 2 góc 3 công tầm cây chưa đo đạc tương đương diện tích 864m²). Như vậy, phần đất bà E sử dụng thừa hơn diện tích đất đã mua là 806m², trong khi đó diện tích đất của con kênh Xáng là chưa đo. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông L là không có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông L cùng lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L và bà E; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm, ông L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 175 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với ông Nguyễn Văn M về việc tranh chấp quyền sử dụng đất có diện tích 79,90m², đất tọa lạc tại ấp 11, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị trí và số đo như sau:

Phía Đông giáp: (mũi nhọn) cạnh dài: 0,0; 0,4m;

Phía Tây giáp kênh Kiêm X cạnh dài 2,5m;

Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn L cạnh dài 208,57 + 27,6m;

Phía Bắc giáp ông Nguyễn Văn M cạnh dài 208,57 + 27,6m

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 2.900.000 đồng (trong đó: chi phí đo đạc tại cấp sơ thẩm là 1.560.000 đồng và tại cấp phúc thẩm là 1.340.000 đồng), ông Nguyễn Văn L phải chịu toàn bộ, ông Nguyễn Văn L đã nộp xong.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng, ông Nguyễn Văn L đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 500.000 đồng theo biên lai thu số 005258 ngày 22 tháng 10 năm 2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G (nay là thị xã G), tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 200.000 đồng, ông Nguyễn Văn L được nhận lại 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn L đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012470 ngày 27 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G được chuyển thu án phí.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

Nguyễn Văn Hoàng